

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9
TP. HỒ CHÍ MINH**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 40
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	41



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Dược 2-9 Tp. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 736/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000594 ngày 10 tháng 09 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0302404048, và đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 28 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 55.500.000.000 đồng.

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : 299/22 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (8) 3868 7347

Mã số thuế : 0 3 0 2 4 0 4 0 4 8

▪ Nhà máy sản xuất

Nhà máy sản xuất dược phẩm WHO-GMP tại số 930 C4, đường C, Khu công nghiệp Cát Lái quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề hoạt động

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng, cho thuê kho;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Nam Thắng	Chủ tịch	12/05/2016	
Ông Chu Mai Hào	Chủ tịch		12/05/2016
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó chủ tịch	12/05/2016	
Ông Cáp Hữu Ánh	Phó chủ tịch		12/05/2016
Ông Hoàng Xuân Minh Trí	Thành viên	12/05/2016	
Ông Nguyễn An Giang	Thành viên		
Bà Trịnh Bích Dung	Thành viên		
Ông Cao Tứ Tài	Thành viên		12/05/2016
Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên		12/05/2016
Bà Trương Thị Thái Hòa	Thành viên		12/05/2016

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Nam Hải	Trưởng ban	12/05/2016	
Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên		
Bà Nguyễn Trần Xuân Mai	Thành viên	12/05/2016	
Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm	Trưởng ban		12/05/2016
Bà Phạm Thị Hoàng	Thành viên		12/05/2016

4.3 Ban Điều hành, quản lý

Ban Điều hành, quản lý của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Châu Oanh	Tổng Giám đốc	16/08/2016	17/01/2017
Ông Cáp Hữu Ánh	Tổng giám đốc		12/05/2016
Ông Võ Ngọc Dương	Phó Tổng giám đốc	09/07/2016	31/12/2016
Bà Trịnh Bích Dung	Phó Tổng giám đốc		
Bà Trương Thị Thái Hòa	Phó Tổng giám đốc		12/05/2016
Ông Bùi Ngọc Thắng	Phó Tổng giám đốc		31/08/2016
Bà Phan Thị Nam Hà	Phó phòng kế toán kiểm phụ trách kế toán	01/06/2016	
Bà Trịnh Bích Dung	Kế toán trưởng		01/06/2016

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Ngô Nam Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 41.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 08/ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 02 năm 2017. Thời gian Công ty cho đăng ký đặt mua trái phiếu bắt đầu từ ngày 24/03/2017 đến ngày 21/04/2017. Tổng số lượng trái phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 555.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 55.500.000.000 (Năm mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng). Lãi suất là 3%/ năm cố định cho đến ngày đáo hạn Trái phiếu, lãi được trả 1 năm/lần kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Thời gian đáo hạn là 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu, trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ của Công ty và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận.

8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGÔ NAM THẮNG

Chủ tịch

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.



Số: 210 /17/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2-9 TP. Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017 từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 20 tháng 03 năm 2017, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và Công ty TNHH Kiểm toán DTL. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 21 tháng 03 năm 2016.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 1512-2013-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		130.009.482.094	98.796.610.274
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		9.331.480.878	16.358.320.290
111	1. Tiền	V.1	9.331.480.878	6.358.320.290
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		78.000.000.000	2.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	78.000.000.000	2.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.859.284.611	50.218.998.910
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	10.930.964.175	26.793.743.060
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.437.063.765	382.513.204
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	1.547.224.048	23.879.601.950
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.056.870.632)	(837.436.092)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		903.255	576.788
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	29.818.716.605	30.219.291.074
141	1. Hàng tồn kho		30.065.129.670	30.886.391.853
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(246.413.065)	(667.100.779)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.663.747.999	72.141.975.060
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		47.000.000	47.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	47.000.000	47.000.000
220	II. Tài sản cố định		32.631.856.573	35.657.974.692
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	28.006.934.290	30.948.704.403
222	- Nguyên giá		99.280.339.297	98.316.105.867
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(71.273.405.007)	(67.367.401.464)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	4.624.922.283	4.709.270.289
228	- Nguyên giá		5.691.216.091	5.691.216.091
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.066.293.808)	(981.945.802)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	15.425.495.156	35.216.050.697
231	- Nguyên giá		30.880.192.830	51.926.706.938
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.454.697.674)	(16.710.656.241)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		322.800.000	322.800.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	322.800.000	322.800.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		90.000.000	90.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2b	90.000.000	90.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.146.596.270	808.149.671
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	521.602.102	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	624.994.168	808.149.671
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		179.673.230.093	170.938.585.334

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		36.430.727.744	41.176.940.751
310	I. Nợ ngắn hạn		34.640.051.944	40.213.536.951
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	2.829.684.450	4.582.076.848
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	1.083.670.234	1.691.525.864
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	3.768.419.007	5.292.196.327
314	4. Phải trả người lao động	V.17	2.634.342.872	4.066.389.359
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	12.465.273.803	15.922.380.067
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19	8.537.680.340	1.852.880.023
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	3.320.981.238	6.806.088.463
330	II. Nợ dài hạn		1.790.675.800	963.403.800
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.18b	1.790.675.800	963.403.800
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.21	143.242.502.349	129.761.644.583
410	I. Vốn chủ sở hữu		143.242.502.349	129.761.644.583
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.500.000.000	55.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		55.500.000.000	55.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.380.542.000	17.380.542.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		39.667.760.271	34.726.527.057
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.694.200.078	22.154.575.526
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		22.154.575.526	20.201.684.410
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		8.539.624.552	1.952.891.116
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		179.673.230.093	170.938.585.334

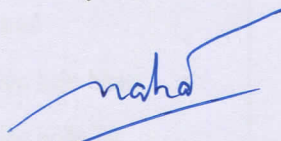
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



LÊ THỊ HOÀNG PHI



PHẦN THỊ NAM HÀ



P. Tổng Giám đốc

TRỊNH BÍCH DUNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	328.271.703.328	130.919.399.257
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	2.315.842.608	3.467.920.691
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		325.955.860.720	127.451.478.566
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	272.878.670.651	74.942.887.192
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.077.190.069	52.508.591.374
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	1.647.845.943	10.689.986.200
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	(3.329.473.894)	4.673.266.353
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		192.793.530	356.762.004
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	14.297.132.904	17.737.977.944
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13.751.798.531	12.336.145.200
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.005.578.471	28.451.188.077
31	11. Thu nhập khác	VI.8	496.521.316	693.357.318
32	12. Chi phí khác	VI.9	436.136.695	103.544.302
40	13. Lợi nhuận khác		60.384.621	589.813.016
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.065.963.092	29.041.001.093
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	5.176.641.520	7.882.464.886
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.10	183.155.503	(555.811.276)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.706.166.069	21.714.347.483
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	4.229	2.934
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	4.229	2.934

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc


LÊ THỊ HOÀNG PHI

PHAN THỊ NAM HÀ

TRỊNH BÍCH DUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		138.959.822.592	125.079.403.680
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(47.201.034.449)	(45.485.659.938)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(23.934.230.651)	(28.698.784.463)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(297.398.275)	(309.292.401)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.882.464.886)	(6.067.335.726)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		231.589.195.485	11.386.847.911
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(222.965.505.904)	(34.661.008.045)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>69.268.383.912</i>	<i>21.244.171.018</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.236.719.817)	(4.029.176.220)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		285.150.000	624.602.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(78.000.000.000)	(6.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.000.000.000	9.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(956.459.294)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		438.585.543	445.708.388
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(77.512.984.274)</i>	<i>(915.324.399)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		26.250.876.878	24.860.879.590
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(18.245.196.538)	(28.725.448.848)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.787.919.390)	(9.966.968.610)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>1.217.760.950</i>	<i>(13.831.537.868)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>(7.026.839.412)</i>	<i>6.497.308.751</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.358.320.290	9.861.011.539
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	9.331.480.878	16.358.320.290

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

P. Tổng Giám đốc

LÊ THỊ HOÀNG PHI

PHAN THỊ NAM HÀ



TRINH BÍCH DUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu dược phẩm, gia công sản xuất bao bì dược phẩm;
- Cho thuê mặt bằng;
- Đầu tư, kinh doanh cao ốc văn phòng, nhà ở;
- Cho thuê văn phòng, cho thuê kho;
- Sản xuất kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Nhà máy sản xuất dược phẩm WHO-GMP địa chỉ tại Khu công nghiệp Cát Lái quận 2, Tp. HCM.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 276 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 301 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng (có thời hạn gốc không quá ba tháng), dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được hoặc được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác (hoặc thuyết minh theo chế độ tài chính hiện hành như TT 228).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

1281
CÔNG
NHIỆM
DÁN V
JANG
TP. H

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung ở Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	25 – 50
Máy móc thiết bị	06 - 10

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.



10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Cơ sở tính và trích lương

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm: dược phẩm, thực phẩm chức năng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán bất động sản:

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại.

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

- Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

- Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	132.810.500	23.296.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.198.670.378	6.335.024.090
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Cộng	<u>9.331.480.878</u>	<u>16.358.320.290</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2.a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng với lãi suất từ 5,3% đến 7%/năm	78.000.000.000	78.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>78.000.000.000</u>	<u>78.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

2.b Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>						
Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2 (*)	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000
Cộng	<u>90.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.000.000</u>	<u>90.000.000</u>	<u>-</u>	<u>90.000.000</u>

(*) Số lượng cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần dược phẩm 3/2 là 9.000 cổ phần

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	1.004.757.264	5.021.839.872
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1.004.757.264	5.021.839.872
Phải thu các khách hàng khác	9.926.206.911	21.771.903.188
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 10	3.323.287.181	5.073.305.332
- Nhà thuốc Thanh Phong	676.731.389	578.897.742
- Công ty TNHH Dược phẩm Trung Việt	664.484.809	2.004.603.441
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	583.928.656	343.658.025
- Các đối tượng khác	4.677.774.876	13.771.438.648
Cộng (*)	10.930.964.175	26.793.743.060

(*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.19.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	1.437.063.765	382.513.204
- Công ty TNHH Pharmachem	580.125.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ Tự động PH	209.665.902	209.665.902
- Các đối tượng khác	647.272.863	172.847.302
Cộng	1.437.063.765	382.513.204

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5.a Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.547.224.048	-	23.879.601.950	-
- Bà Ngô Thị Cẩm Ly (Chuyển nhượng dự án 136LCT)	-	-	23.400.000.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.199.644.443	-	-	-
- Tạm ứng	121.498.000	-	90.230.400	-
- Thuế TNCN của CB CNV	161.828.400	-	320.648.902	-
- Các đối tượng khác	64.253.205	-	68.722.648	-
Cộng	1.547.224.048	-	23.879.601.950	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.b Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	47.000.000	-	47.000.000	-
- Ký quỹ tại Cty Hơi Kỹ nghệ Que hàn (võ bình Gas)	32.000.000	-	32.000.000	-
- Ký quỹ tại Cty Xe khách Sài Gòn	10.000.000	-	10.000.000	-
- Ký quỹ thu gom chất thải tại Cty Môi trường Đô thị	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	47.000.000	-	47.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi	Nợ xấu	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.165.998.799	810.146.148		
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bạc Liêu	Trên 3 năm	360.074.093	360.074.093	Từ 2 đến 3 năm	351.982.530
- Nhà thuốc Quang Hạnh	Trên 3 năm	321.924.839	-	Trên 3 năm	321.924.839
- Công ty Cổ phần Dược phẩm ADMK	Trên 3 năm	89.026.023	89.026.023	Từ 1 đến 2 năm	176.526.023
- Công ty TNHH MTV Dược Vật tư Y tế Quảng Ngãi	Trên 3 năm	65.957.783	65.957.783	Trên 3 năm	65.957.783
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm - TTBYT Hưng Thịnh	Trên 3 năm	33.927.812	-	Trên 3 năm	33.927.812
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Bạch Yến Long An	Trên 3 năm	25.000.000	25.000.000		
- Nhà thuốc Hải Yến	Trên 3 năm	20.872.875	20.872.875		
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lan Khuê	Trên 3 năm	13.584.060	13.584.060	Trên 3 năm	20.872.875
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Hàn	Từ 2 đến 3 năm	120.204.000	120.204.000	Từ 1 đến 2 năm	120.204.000
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Cao Mai	Từ 1 đến 2 năm	38.660.764	38.660.764		
	Từ 6 tháng đến 1 năm	76.766.550	76.766.550		
Cộng		1.165.998.799	810.146.148		1.091.395.862
					735.543.211

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(837.436.092)	(964.879.844)
Trích lập dự phòng bổ sung	(219.434.540)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	127.443.752
Số cuối năm	<u>(1.056.870.632)</u>	<u>(837.436.092)</u>

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.515.644.000	(246.413.065)	14.637.746.181	(667.100.779)
Công cụ, dụng cụ	113.932.271	-	71.490.300	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.456.480.846	-	4.267.062.537	-
Thành phẩm	11.979.072.553	-	11.910.092.835	-
Cộng (*)	<u>30.065.129.670</u>	<u>(246.413.065)</u>	<u>30.886.391.853</u>	<u>(667.100.779)</u>

(*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.19.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	37.737.734.547	50.333.121.025	5.406.648.775	4.838.601.520	98.316.105.867
Tăng trong năm	110.800.840	1.463.791.364	-	246.166.590	1.820.758.794
- Mua trong năm	110.800.840	1.463.791.364	-	246.166.590	-
Giảm trong năm	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	-
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	(856.525.364)
Số cuối năm (*)	37.848.535.387	51.796.912.389	5.005.122.632	4.629.768.889	99.280.339.297
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	16.288.570.479	42.560.153.534	3.793.548.944	4.725.128.507	67.367.401.464
Khấu hao trong năm	1.511.356.068	2.723.061.834	406.913.450	121.197.555	4.762.528.907
Giảm trong năm	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	(856.525.364)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	-	(401.526.143)	(454.999.221)	(856.525.364)
Số cuối năm	17.799.926.547	45.283.215.368	3.798.936.251	4.391.326.841	71.273.405.007
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	21.449.164.068	7.772.967.491	1.613.099.831	113.473.013	30.948.704.403
Số cuối năm	20.048.608.840	6.513.697.021	1.206.186.381	238.442.048	28.006.934.290

- Trong đó nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 40.528.800.452 đồng.

- (*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 1.346.292.112 đồng đã được cam kết thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất (*)</u>	<u>Bản quyền, phần mềm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.589.050.091	1.102.166.000	5.691.216.091
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	4.589.050.091	1.102.166.000	5.691.216.091
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	981.945.802	981.945.802
Khấu hao trong năm	-	84.348.006	84.348.006
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	1.066.293.808	1.066.293.808
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.589.050.091	120.220.198	4.709.270.289
Số cuối năm	4.589.050.091	35.872.192	4.624.922.283

- (*) Quyền sử dụng đất không trích khấu hao là quyền sử dụng đất ở nhà máy sản xuất dược phẩm quận 2.

- Trong đó nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.056.176.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	24.873.908.424	6.459.825.606	20.592.972.908	51.926.706.938
Tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	(453.541.200)	-	(20.592.972.908)	(21.046.514.108)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	(453.541.200)	-	-	-
Số cuối năm (*)	24.420.367.224	6.459.825.606	-	30.880.192.830
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.117.532.185	4.575.012.709	2.018.111.347	16.710.656.241
Khấu hao trong năm	915.839.220	260.395.212		1.176.234.432
Giảm trong năm	(414.081.652)	-	(2.018.111.347)	(2.432.192.999)
- Giảm do thanh lý TSCĐ	(414.081.652)	-	(2.018.111.347)	(2.432.192.999)
Số cuối năm	10.619.289.753	4.835.407.921	-	15.454.697.674
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.756.376.239	1.884.812.897	18.574.861.561	35.216.050.697
Số cuối năm	13.801.077.471	1.624.417.685	-	15.425.495.156

- Trong đó nguyên giá bất động sản đầu tư cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.989.123.482 đồng.

- (*) Một số bất động sản đầu tư có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 5.026.518.993 đồng đã được cam kết thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.19).

- Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay	Năm trước
Phần mềm (*)	322.800.000	322.800.000
Cộng	322.800.000	322.800.000

(*) Là khoản thanh toán đợt 1 bằng 30% giá trị hợp đồng xây dựng phần mềm Pharmasoft theo Hợp đồng 0815/NADY-ETS ngày 31/08/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa văn phòng làm việc ở địa chỉ 299/22 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ trong vòng 24 tháng.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong năm	554.975.987	-
Phân bổ trong năm	(33.373.885)	-
Cộng	<u>521.602.102</u>	<u>-</u>

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các chi phí phải trả	458.088.872	808.149.671
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi không đủ điều kiện	166.905.296	-
Cộng	<u>624.994.168</u>	<u>808.149.671</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-	80.718.750	80.718.750
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	-	-	80.718.750	80.718.750
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	2.829.684.450	2.829.684.450	4.501.358.098	4.501.358.098
- Công ty TNHH NEO UNICAP	659.807.940	659.807.940	672.192.000	672.192.000
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Nam Long Phát	632.546.236	632.546.236	457.701.357	457.701.357
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hà Vĩnh Phát	345.400.000	345.400.000	323.235.000	323.235.000
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	189.623.500	189.623.500	339.059.600	339.059.600
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bảo Toàn	182.918.636	182.918.636	280.060.503	280.060.503
- Công ty TNHH Hóa dược Châu Qua	151.200.000	151.200.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	668.188.138	668.188.138	2.429.109.638	2.429.109.638
Cộng	<u>2.829.684.450</u>	<u>2.829.684.450</u>	<u>4.582.076.848</u>	<u>4.582.076.848</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	1.083.670.234	1.691.525.864
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Dược phẩm Chợ Lớn	-	1.451.614.000
- Công ty Cổ phần Sundial Pharma	811.867.466	-
- Các nhà cung cấp khác	271.802.768	239.911.864
Cộng	<u>1.083.670.234</u>	<u>1.691.525.864</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	554.344.699	-	3.016.030.245	2.972.474.136	597.900.808	-
- Thuế nhập khẩu	-	-	39.936.690	39.936.690	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.682.464.886	-	5.176.641.520	6.882.464.886	2.976.641.520	-
- Thuế thu nhập cá nhân	55.386.742	-	721.531.336	583.041.399	193.876.679	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	186.727.884.401	186.727.884.401	-	-
- Thuế khác	-	-	36.948.200	36.948.200	-	-
Cộng	<u>5.292.196.327</u>	<u>-</u>	<u>195.809.474.209</u>	<u>197.333.251.529</u>	<u>3.768.419.007</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.065.963.092	29.041.001.093
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.325.489.278	7.946.177.459
+ Chi phí trích trước	3.124.970.838	3.673.407.596
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ	200.518.440	4.272.769.863
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.499.244.772)	(1.146.992.705)
+ Hoàn nhập chi phí trích trước	(3.673.407.596)	(1.146.992.705)
+ Hoàn nhập tiền phạt dự án 136 Lý Chính Thắng năm 2015	(3.825.837.176)	-
Thu nhập chịu thuế	25.892.207.598	35.840.185.847
Thu nhập được miễn thuế	(9.000.000)	(10.800.000)
Thu nhập tính thuế	25.883.207.598	35.829.385.847
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>5.176.641.520</u>	<u>7.882.464.886</u>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương của người lao động được trích theo bản đăng ký kế hoạch quỹ lương năm 2016 số D01/16 CV_NDP ngày 24 tháng 08 năm 2016 được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.

18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

18.a Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	12.465.273.803	15.922.380.067
- Cổ tức phải trả	10.084.205.353	6.882.124.743
- Các khoản chi phí phải trả	2.290.444.359	3.520.697.646
- Kinh phí công đoàn	64.655.916	64.655.916
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25.968.175	5.454.901.762
Cộng	<u>12.465.273.803</u>	<u>15.922.380.067</u>

18.b Phải trả dài hạn khác

Chủ yếu là các khoản nhận ký cược, ký quỹ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.790.675.800	963.403.800
- Công ty TNHH XNK Dược phẩm GB	1.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	790.675.800	963.403.800
Cộng	<u>1.790.675.800</u>	<u>963.403.800</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	8.537.680.340	8.537.680.340	532.000.000	532.000.000
- Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Bến Thành ⁽¹⁾	4.347.447.490	4.347.447.490	-	-
- Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 ⁽²⁾	4.070.232.850	4.070.232.850	-	-
- Vay đối tượng khác ⁽³⁾	120.000.000	120.000.000	532.000.000	532.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	1.320.880.023	1.320.880.023
Cộng	<u>8.537.680.340</u>	<u>8.537.680.340</u>	<u>1.852.880.023</u>	<u>1.852.880.023</u>

▪ **Chi tiết vay ngắn hạn**

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành

Hợp đồng cấp tín dụng số 0192/BET.DN/LD16 ký ngày 05/08/2016

- + Hạn mức : 50.000.000.000 đồng;
- + Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng lần giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung nhu cầu vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Cam kết thế chấp tài sản và đất ở 299/22 Lý Thường Kiệt (Xem T.Mình V.8 và V.10).

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6

Hợp đồng tín dụng số 16.106.0180/2016-HĐTDHM/NHCT922-DUOCPHAM2-9 ký ngày 16/09/2016.

- + Hạn mức : 20.000.000.000 đồng;
- + Lãi suất : Lãi suất tại thời điểm giải ngân;
- + Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động;
- + Hình thức đảm bảo : Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại mọi thời điểm (Xem T.Mình V.2 và V.7).

3. Vay các cá nhân khác

Là các khoản vay các cá nhân khác theo hình thức tín chấp với lãi suất 6%/ năm và điều chỉnh 6 tháng/lần.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	6.806.088.463	4.818.120.259
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	4.342.869.496
- Trích lập thù lao Hội đồng quản trị	1.235.308.303	1.085.717.374
- Sử dụng trong năm	(4.720.415.528)	(3.440.618.666)
Số dư cuối năm	<u>3.320.981.238</u>	<u>6.806.088.463</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

21.b Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Cổ đông nhà nước	16.095.000.000	16.095.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	39.405.000.000	39.405.000.000
Cộng	<u>55.500.000.000</u>	<u>55.500.000.000</u>

21.c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.500.000.000	55.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	55.500.000.000	55.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	55.500.000.000	55.500.000.000
- Chia cổ tức năm 2016	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)

21.d Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.550.000	5.550.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.550.000	5.550.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

21.e Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	22.154.575.526
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ này	24.706.166.069
Giảm trong năm (*)	(16.166.541.517)
Chi tiết gồm:	
- Trích Quỹ quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2016	(4.941.233.214)
- Thù lao và thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(1.235.308.303)
- Chia cổ tức	(9.990.000.000)
Cộng	30.694.200.078

(*) Khoản trích giảm trong năm căn cứ theo Biên bản họp HĐQT ngày 23/01/2017

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà 28 Võ Trường Toản	Cái	1	1
- Máy móc	Cái	3	3

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT : VNĐ)

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm	115.976.902.329	124.767.453.667
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.501.500	-
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	212.194.299.499	6.151.945.590
Cộng	328.271.703.328	130.919.399.257

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	916.458.410	1.989.313.302
- Hàng bán bị trả lại	1.399.384.198	1.478.607.389
Cộng	<u>2.315.842.608</u>	<u>3.467.920.691</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn thành phẩm	66.562.325.803	70.603.369.256
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	60.293.291	-
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	206.678.092.819	4.095.038.174
- Hao hụt mất mát hàng tồn kho	(1.353.548)	(2.540.009)
- Dự phòng/hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(420.687.714)	247.019.771
Cộng	<u>272.878.670.651</u>	<u>74.942.887.192</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.629.229.986	434.908.388
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.000.000	10.800.000
- Chiết khấu thanh toán	7.875.000	-
- Chuyển nhượng vốn dự án 136 LCT	-	10.244.277.812
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.740.957	-
Cộng	<u>1.647.845.943</u>	<u>10.689.986.200</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	192.793.530	356.762.004
- Chiết khấu thanh toán	55.539.512	47.716.737
- Chi phí chuyển nhượng dự án 136 LCT (*)	(3.577.819.368)	4.268.787.612
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.432	-
Cộng	<u>(3.329.473.894)</u>	<u>4.673.266.353</u>

(*) Giảm chi phí do hoàn nhập khoản tiền phạt chậm tiến độ dự án xây dựng cao ốc tại 136 Lý Chính Thắng đã hạch toán nay nhận được quyết định không phải nộp phạt theo CV số 948/CT-KTTĐ ngày 29/01/16.

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên	6.437.608.139	5.961.127.959
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	445.225.717	250.735.071
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	300.910.668	302.993.742
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.505.459	542.648.995
- Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	3.893.702.746	7.506.351.915
- Chi phí tiêu thụ, bảo quản hàng hóa	2.258.478.253	1.659.229.864
- Các chi phí khác	721.701.922	1.514.890.398
Cộng	<u>14.297.132.904</u>	<u>17.737.977.944</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	7.279.221.669	7.386.993.734
- Chi phí vật liệu quản lý	623.279.205	291.043.385
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	999.739.541	985.793.173
- Thuế, phí và lệ phí	132.111.760	72.570.950
- Lập/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	219.434.540	(127.443.752)
- Các khoản chi phí khác	4.498.011.816	3.727.187.710
Cộng	<u>13.751.798.531</u>	<u>12.336.145.200</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	285.150.000	624.602.727
- Bán vật tư thu hồi	5.429.546	11.208.182
- Bán nguyên vật liệu	171.384.745	30.126.891
- Các khoản khác	34.557.025	27.419.518
Cộng	<u>496.521.316</u>	<u>693.357.318</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Bán nguyên vật liệu	388.575.398	93.468.415
- Các khoản khác	47.561.297	10.075.887
Cộng	<u>436.136.695</u>	<u>103.544.302</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	183.155.503	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(555.811.276)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Cộng	<u>183.155.503</u>	<u>(555.811.276)</u>

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.706.166.069	21.714.347.483
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.342.869.496)
- Thù lao Hội đồng quản trị (*)	(1.235.308.303)	(1.085.717.374)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.470.857.766	16.285.760.613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	<u>4.229</u>	<u>2.934</u>

(*) Đây là khoản tạm trích Quỹ khen thưởng, thù lao hội đồng quản trị theo tỷ lệ trích của năm 2015 tương đương 5% của lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.470.857.766	16.285.760.613
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	23.470.857.766	16.285.760.613
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (Cp)	5.550.000	5.550.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	<u>4.229</u>	<u>2.934</u>

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.456.703.103	44.639.577.371
- Chi phí nhân công	28.488.450.499	29.300.076.786
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.398.606.405	6.497.395.019
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.664.340.061	6.984.768.746
- Chi phí khác	12.391.612.425	15.565.897.989
Cộng	<u>101.399.712.493</u>	<u>102.987.715.911</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền thu từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	26.250.876.878	24.860.879.590
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>26.250.876.878</u>	<u>24.860.879.590</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	18.245.196.538	28.725.448.848
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-	-
Cộng	<u>18.245.196.538</u>	<u>28.725.448.848</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.a Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt()*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương	2.051.915.777	2.226.541.527
Thưởng	616.982.000	514.400.000
Cổ tức	636.414.900	780.772.200
Cộng	<u>3.305.312.677</u>	<u>3.521.713.727</u>

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

3.b Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Cổ đông lớn (Công ty chiếm 29% vốn điều lệ công ty)
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn	Cổ đông lớn (Công ty chiếm 10,02% vốn điều lệ công ty)
- Ông Ngô Nam Thắng	Cổ đông lớn (Cá nhân chiếm 11,44% vốn điều lệ công ty)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2-9 TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		
- Công ty bán hàng hóa	6.986.818.682	14.169.932.075
- Công ty mua hàng hóa	1.999.762.857	6.298.996.156
- Cổ tức đã chi trả	1.931.400.000	2.897.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ G.B Sài Gòn		
- Công ty cho thuê bất động sản	2.918.839.200	2.844.682.200
- Cổ tức đã chi trả	667.149.600	1.000.724.400
Ông Ngô Nam Thắng		
- Cổ tức đã chi trả	350.697.600	-

Số dư với các bên liên quan khác

Là số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn		
- Số dư phải thu	1.004.757.264	5.021.839.872
- Số dư phải trả cổ tức cuối năm	2.897.100.000	1.931.400.000

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh dược phẩm.
- Kinh doanh bất động sản.

<u>Năm nay</u>	<u>Kinh doanh dược phẩm</u>	<u>Kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.761.561.221	212.194.299.499	325.955.860.720
Giá vốn hàng bán	(66.200.577.832)	(206.678.092.819)	(272.878.670.651)
Lợi nhuận gộp	47.560.983.389	5.516.206.680	53.077.190.069
<u>Năm trước</u>	<u>Kinh doanh dược phẩm</u>	<u>Kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.299.532.976	6.151.945.590	127.451.478.566
Giá vốn hàng bán	(70.847.849.018)	(4.095.038.174)	(74.942.887.192)
Lợi nhuận gộp	50.451.683.958	2.056.907.416	52.508.591.374

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chủ yếu là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản cam kết thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã cam kết thế chấp tài sản là:

- Bất động sản tại số 299/22 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Nợ phải thu luân chuyển;
- Hàng tồn kho luân chuyển.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán số 08/ĐKCB do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 02 năm 2017.

- Thời gian Công ty cho đăng ký đặt mua trái phiếu: từ ngày 24/03/2017 đến ngày 21/04/2017;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi, không đảm bảo bằng tài sản;
- Lãi suất: lãi suất cố định 3%/năm, lãi được trả 1 năm/lần kể từ ngày kết thúc đợt phát hành;
- Mệnh giá: 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng);
- Tổng số trái phiếu dự kiến chào bán: 555.000 trái phiếu (Năm trăm năm mươi ngàn năm trăm trái phiếu, tương đương với 55.500.000.000 đồng. Toàn bộ trái phiếu này sẽ phát hành cho cổ đông hiện hữu;
- Giá chào bán dự kiến: 100.000 đồng/trái phiếu;
- Thời gian đáo hạn: 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;
- Chuyển đổi trái phiếu sang cổ phiếu: tại thời điểm đáo hạn trái phiếu, trái phiếu sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ của Công ty và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận.

Ngoài ra, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

P. Tổng Giám đốc



LÊ THỊ HOÀNG PHI

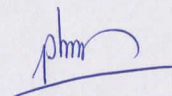
PHAN THỊ NAM HÀ

TRỊNH BÍCH DUNG

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

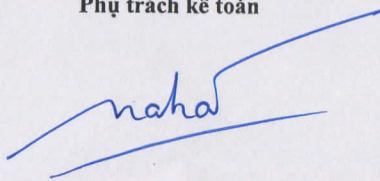
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	55.500.000.000	17.380.542.000	30.383.657.560	20.211.607.662	123.475.807.222
2. Tăng trong năm trước	-	-	4.342.869.497	21.714.347.483	26.057.216.980
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	21.714.347.483	21.714.347.483
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	4.342.869.497	-	4.342.869.497
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(19.771.379.619)	(19.771.379.619)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4.342.869.497)	(4.342.869.497)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.342.869.496)	(4.342.869.496)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(1.085.717.374)	(1.085.717.374)
- Chia cổ tức	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	(9.923.252)	(9.923.252)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	55.500.000.000	17.380.542.000	34.726.527.057	22.154.575.526	129.761.644.583
5. Tăng trong kỳ này	-	-	4.941.233.214	24.706.166.069	29.647.399.283
- Lãi trong kỳ	-	-	-	24.706.166.069	24.706.166.069
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	4.941.233.214	-	4.941.233.214
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	(16.166.541.517)	(16.166.541.517)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4.941.233.214)	(4.941.233.214)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(1.235.308.303)	(1.235.308.303)
- Chia cổ tức	-	-	-	(9.990.000.000)	(9.990.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối kỳ này	55.500.000.000	17.380.542.000	39.667.760.271	30.694.200.078	143.242.502.349

Người lập biểu



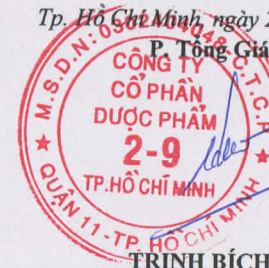
LÊ THỊ HOÀNG PHI

Phụ trách kế toán



PHAN THỊ NAM HÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2017



TRỊNH BÍCH DUNG

